

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 17/NFG/2019

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH NATURAL FOOD GROUP

Địa chỉ: C9 Nguyễn Ngọc Phương, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 28 38 408 957

Fax: +84 28 38 408 958

Email: info@natural-food.asia

Mã số doanh nghiệp: 0315018018

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC HỮU CƠ BƯỚC 4 CHO TRẺ TRÊN 36 THÁNG TUỔI BELLAMY'S ORGANIC JUNIOR MILK DRINK

2. Thành phần: Sữa đặc hữu cơ [Sữa nguyên kem hữu cơ dạng lỏng hoặc bột, sữa tách béo hữu cơ dạng lỏng hoặc bột, bột whey khử khoáng hữu cơ, bột lactose hữu cơ], dầu thực vật hữu cơ [dầu đậu nành hữu cơ, dầu hạt hướng dương hữu cơ, chất nhũ hóa lexitin INS 322 từ đậu nành hữu cơ], Galacto-oligosaccharides lỏng hữu cơ (GOS) từ sữa, bột fructo-oligosaccharides hữu cơ (FOS), DHA khô [dầu cá (cá ngừ), sodium caseinate, chất nhũ hóa lexitin INS 322 từ đậu nành, chất chống oxy hóa (sodium ascorbate INS 301, tocopherol concentrat (dạng hỗn hợp) INS 307b, ascorbyl palmitate INS 304)].

Khoáng chất: Tricalcium diphosphate, calcium carbonate, magnesium carbonate, ferrous sulphate, zinc sulphate, potassium iodide, magnesium chloride.

Vitamin: Vitamin C (Sodium-L-ascorbate), vitamin E (DL-alpha-Tocopheryl acetate), vitamin A (retinyl acetate), niacinamide (nicotinic acid amide), vitamin D₃ (cholecalciferol), vitamin B₁ (thiaminchloride hydrochloride), vitamin B₆ (pyridoxine hydrochloride), folic acid (N-Pteroyl-L-glutamic acid), vitamin B₁₂ (cyanocobalamin).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 2 năm kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất: xem "MFD" dưới đáy lon (ngày/tháng/năm).

Hạn sử dụng: xem "USE BY" dưới đáy lon (ngày/tháng/năm).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng gói trong hộp thiếc, có lớp giấy bạc niêm phong có thể lột ra được. Bên trong hộp có 01 muỗng đong màu trắng làm từ nhựa polypropylene, nắp hộp được làm từ nhựa



polyethylene mật độ cao (HDPE) và polyethylene mật độ thấp (LDPE), bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 900 g/lon

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Xuất xứ: Úc

- Nhà sản xuất: Bellamy's Organic Pty Ltd

- Địa chỉ: 115 Cimitiere Street (PO Box 96) Launceston 7250, Tasmania, Australia

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (xem mẫu nhãn sản phẩm đính kèm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định Số: 46/2007/QĐ-BYT: QUY ĐỊNH GIỚI HẠN Ô NHIỄM SINH HỌC VÀ HÓA HỌC TRONG THỰC PHẨM. Đạt yêu cầu theo quy định tại Mục 6.1, Phần 6 Quy định giới hạn cho phép vi sinh vật trong sữa và sản phẩm sữa.
- QCVN 8-1:2011/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA ĐỐI VỚI GIỚI HẠN Ô NHIỄM ĐỘC TÓ VI NẤM TRONG THỰC PHẨM. Đạt yêu cầu theo nhóm “Sữa và các sản phẩm từ sữa (bao gồm cả sữa nguyên liệu)”
- QCVN 8-2:2011/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA ĐỐI VỚI GIỚI HẠN Ô NHIỄM KIM LOẠI NẶNG TRONG THỰC PHẨM. Đạt yêu cầu theo nhóm “Các sản phẩm sữa dạng bột”.
- QCVN 8-3:2012/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA ĐỐI VỚI Ô NHIỄM VI SINH VẬT TRONG THỰC PHẨM. Đạt yêu cầu theo nhóm “Các sản phẩm sữa dạng bột”.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 09 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Trần Thị Thanh Loan

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC HỮU CƠ BƯỚC 4 CHO TRẺ TỪ 36 THÁNG TUỔI BELLAMY'S ORGANIC JUNIOR MILK DRINK

1. Thành phần: Sữa đặc hữu cơ [Sữa nguyên kem hữu cơ dạng lỏng hoặc bột, sữa tách béo hữu cơ dạng lỏng hoặc bột, bột whey khử khoáng hữu cơ, bột lactose hữu cơ], dầu thực vật hữu cơ [dầu đậu nành hữu cơ, dầu hạt hướng dương hữu cơ, chất nhũ hóa lexitin INS 322 từ đậu nành hữu cơ], Galacto-oligosaccharides lỏng hữu cơ (GOS) từ sữa, bột fructo-oligosaccharides hữu cơ (FOS), DHA khô [dầu cá (cá ngừ), sodium caseinat chất nhũ hóa lexitin INS 322 từ đậu nành, chất chống oxy hóa (sodium ascorbate INS 301, tocopherol concentrat (dạng hỗn hợp) INS 307b, ascorbyl palmitate INS 304)].

Khoáng chất: Tricalcium diphosphate, calcium carbonate, magnesium carbonate, ferrous sulphate, zinc sulphate, potassium iodide, magnesium chloride.

Vitamin: Vitamin C (Sodium-L-ascorbate), vitamin E (DL-alpha-Tocopheryl acetate), vitamin A (retinyl acetate), niacinamide (nicotinic acid amide), vitamin D₃ (cholecalciferol), vitamin B₁ (thiaminchloride hydrochloride), vitamin B₆ (pyridoxine hydrochloride), folic acid (N-Pteroyl-L-glutamic acid), vitamin B₁₂ (cyanocobalamin).

2. Khối lượng tịnh: 900 g/lon

3. Thời hạn sử dụng: 2 năm kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất: xem “MFD” dưới đáy lon (ngày/tháng/năm).

Hạn sử dụng: xem “USE BY” dưới đáy lon (ngày/tháng/năm).

4. Đối tượng sử dụng: Dùng cho trẻ từ 36 tháng tuổi.

5. Hướng dẫn sử dụng:

5.1 Công dụng: Bổ sung dinh dưỡng cho chế độ ăn hàng ngày, hỗ trợ duy trì sự phát triển toàn diện của trẻ.

5.2 Hàm lượng sử dụng:

Độ tuổi của trẻ	Lượng nước/bình (ml)	Lượng bột/bình	Lượng khuyến khích dùng/ngày
Từ 36 tháng tuổi	200	4 muỗng gạt (34,4g)	1-2 lần

5.3 Cách pha chế:

1. Luôn rửa tay trước khi pha sữa. Vệ sinh dụng cụ pha thật kỹ, tiệt trùng bằng cách đun 5 phút trong nước sôi. Đun sôi nước sạch và để nguội cho đến khi nhiệt độ giảm xuống 50 – 60 °C. Chỉ sử dụng muỗng đi kèm với hộp sữa để pha.

2. Múc đầy một muỗng bột bằng cách gạt muỗng trên thành hộp. Luôn pha theo tỷ lệ 1 muỗng bột gạt ngang (tương đương 8,6 g) với mỗi 50 ml nước.

3. Cho 4 muỗng sữa bột gạt ngang (tương đương 34,4 g) vào 200 ml nước đã đun sôi để nguội 50 – 60 °C.



4. Khuấy hoặc lắc cho đến khi bột tan đều, dùng ngay sau khi pha. Nếu không dùng hết, bảo quản phần sữa đã pha trong tủ lạnh và sử dụng trong vòng 24 giờ.

6. Thông tin cảnh báo an toàn: Sản phẩm có chứa thành phần từ sữa, cá và đậu nành.

7. Bảo quản:

Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát. Luôn đậy kín nắp hộp và sử dụng hết trong vòng 4 tuần sau khi mở hộp. Sử dụng trước ngày hết hạn in dưới đáy hộp. Pha sữa theo khối lượng không theo thể tích. Bột sữa có thể bị vón cục.

8. Xuất xứ: Úc

- Nhà sản xuất: Bellamy's Organic Pty Ltd
- Địa chỉ: 115 Cimitiere Street (PO Box 96) Launceston 7250, Tasmania, Australia

9. Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về hàng hóa:

CÔNG TY TNHH NATURAL FOOD GROUP

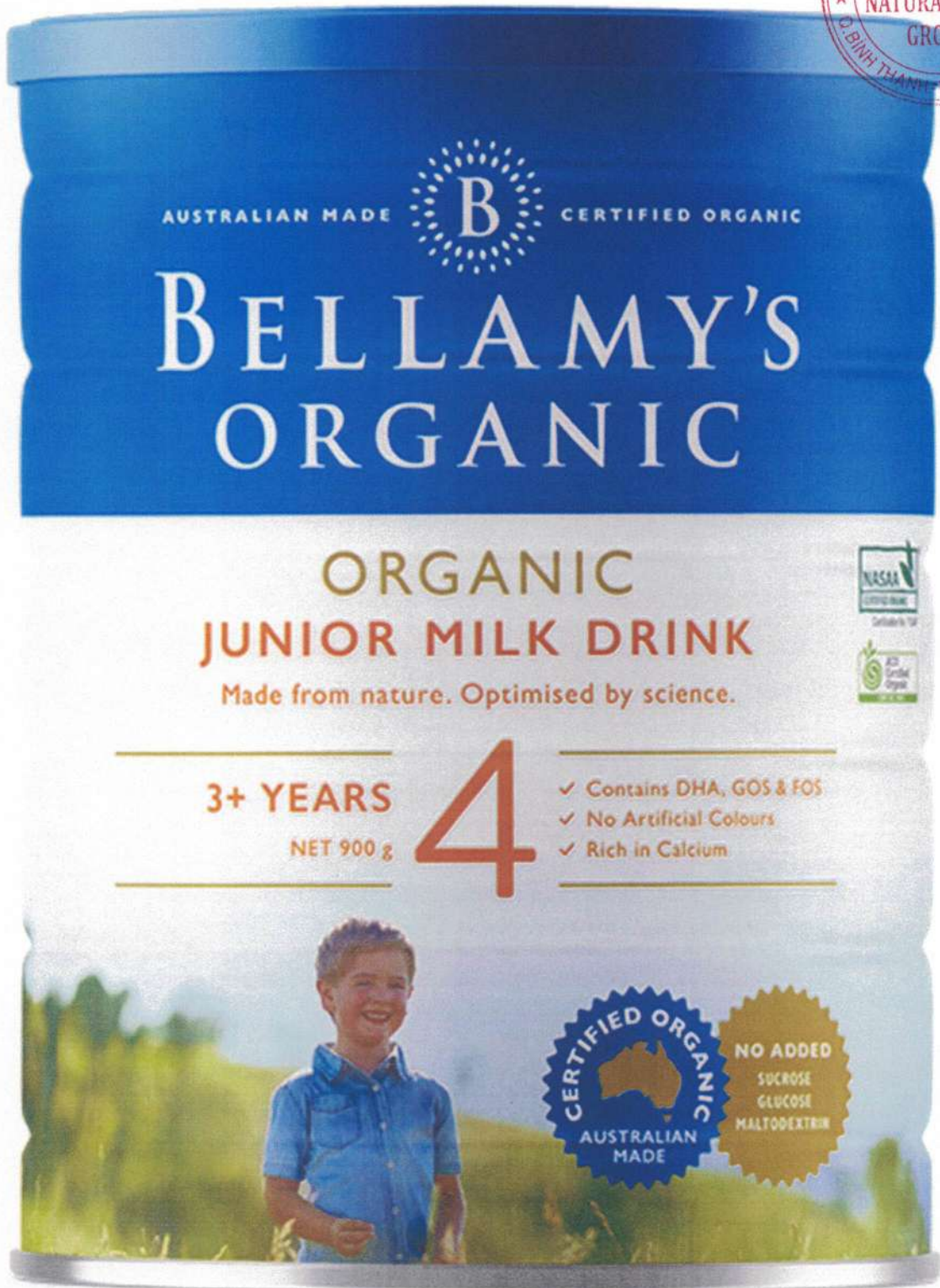
Địa chỉ: C9 Nguyễn Ngọc Phương, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 38 408 957

10. Số BTCBSP: 17/NFG/2019



NHÃN SẢN PHẨM
MẶT TRƯỚC CỦA SẢN PHẨM



MẬT PHẢI CỦA SẢN PHẨM



A PURE START TO LIFE

We only use certified organic cow's milk. It's pretty special.



Our pastures aren't sprayed with synthetic pesticides



Our soil isn't treated with synthetic fertilisers



Our milking cows aren't treated with antibiotics



Our cows aren't injected with growth hormones



Our cows aren't fed with genetically modified grain, corn or soy (GMOs)

Less than 1% of the world's dairy milk is certified organic*





Our organic products are dual certified by NASAA and ACO.



Certification No. 7124P



HOW TO PREPARE

- 1  Always wash hands before preparing. Wash and rinse cup and all utensils thoroughly. Use only the enclosed scoop.
- 2  Fill the measuring scoop with powder and level off using the levelling blade on the tin. Always add one level scoop (8.6 g) of powder to each 50 mL of drinking water.
- 3  Add 4 level scoops (34.4 g) of Organic Junior Milk Drink to 200 mL of drinking water.
- 4  Whisk, shake or stir the mixture briskly until powder dissolves and serve immediately. If prepared milk drink is not consumed immediately refrigerate and use within 24 hours.

Age of child	Quantity per serves		Serves per day
	Drinking water (mL)	Level measuring scoops	
Over 3 years	200	4	1-2

IMPORTANT NOTICE: OUR ORGANIC JUNIOR MILK DRINK IS A FORMULATED SUPPLEMENTARY FOOD. IT IS DESIGNED TO COMPLEMENT THE DIETARY NEEDS OF CHILDREN WHO MAY REQUIRE ADDITIONAL INTAKES OF ENERGY AND NUTRIENTS.

NOT RECOMMENDED FOR CHILDREN UNDER THE AGE OF 12 MONTHS.

Always store in a cool, dry place. Remove foil seal completely, and keep tin closed with plastic lid. Use contents within 4 weeks of opening. Use by date and batch code located on the base of the tin. Fill is by weight not volume. Some settling of the powder may occur.

*KPMG – Global Organic Milk Production Market Report, 2018

MẬT BÊN TRÁI CỦA SẢN PHẨM

Packed for Bellamy's Organic Pty Ltd,
115 Cimitiere Street (PO Box 96),
Launceston 7250, Tasmania, Australia.

Freecall Australia: 1800 010 460

Or Call: +61 3 6332 9200

Email: hello@bellamysorganic.com.au

Discover a Pure Start to Life
by visiting us at
bellamysorganic.com



Please care for the environment
and recycle.



CONTAINS 16 ESSENTIAL VITAMINS AND MINERALS



Iron, Iodine & Zinc for healthy
cognitive function



Folate, Vitamins B6, B12, C & D for
a healthy immune system



Calcium, Magnesium & Vitamin D for
healthy teeth & bone structure



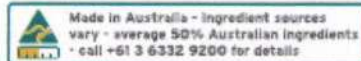
Vitamin A essential for normal vision

Our Junior Milk Drink should be consumed as part of a healthy
diet which includes a variety of foods



INGREDIENTS: Organic milk solids [organic whole milk liquid or powder, organic skim milk liquid or powder, organic demineralised whey powder, organic lactose powder], organic vegetable oil [organic soybean oil, organic sunflower oil, emulsifier (organic soybean lecithin)], organic galacto-oligosaccharides liquid (GOS) from milk, organic fructo-oligosaccharides powder (FOS), dried DHA [fish oil (tuna), sodium caseinate, emulsifier (soybean lecithin), antioxidants (sodium ascorbate, mixed tocopherols, ascorbyl palmitate)].
Minerals: Calcium phosphate, calcium carbonate, magnesium carbonate, ferrous sulphate, zinc sulphate, potassium iodide, magnesium chloride.
Vitamins: Sodium ascorbate, vitamin E acetate, vitamin A acetate, niacinamide, vitamin D3, thiamine hydrochloride, pyridoxine hydrochloride, folic acid, vitamin B12.

ALLERGENS: Contains milk, fish & soy.



100% of our fresh milk is sourced from certified organic farms in Australia. Other milk ingredients are sourced from certified organic farms in Australia, New Zealand, Europe or the US. We strive to source the best Australian ingredients, but this is not always possible due to seasonality and the rarity of organic ingredients.

NUTRITION INFORMATION

Serves per package: 26
Serves size: 228 mL

	Average quantity		
	Per 228 mL serve	% RDI per serve	Per 100 mL of prepared drink
Energy	607 kJ		266 kJ
Protein	8.0 g		3.5 g
Fat, total	3.9 g		1.7 g
- Saturated	1.8 g		0.8 g
- Trans	0.1 g		0.1 g
- Monounsaturated	1.0 g		0.4 g
- Polyunsaturated	1.1 g		0.5 g
- Omega 3	109 mg		48.1 mg
α-Linolenic acid (ALA)	86 mg		38 mg
Docosahexaenoic (DHA)	23 mg		10.1 mg
- Omega 6	826 mg		362 mg
Linoleic acid	826 mg		362 mg
Carbohydrate	18.7 g		8.2 g
- Sugars	18.7 g		8.2 g
Dietary Fibre, total	0.7 g		0.3 g
- Prebiotic - (FOS) ¹	0.5 g		0.2 g
- Prebiotic - (GOS) ²	0.3 g		0.1 g
Sodium	95 mg		41 mg
VITAMINS			
Vitamin A	172 µg	23%	75.4 µg
Vitamin B1 (Thiamin)	0.30 mg	27%	0.13 mg
Vitamin B2 (Riboflavin)	0.58 mg	34%	0.26 mg
Niacin (Vitamin B3)	1.41 mg	14%	0.62 mg
Folate (Vitamin B9)	25.1 µg	13%	11.0 µg
Vitamin B6	0.30 mg	18%	0.13 mg
Vitamin B12	0.83 µg	41%	0.36 µg
Vitamin C	23 mg	57%	10 mg
Vitamin D	1.93 µg	19%	0.84 µg
Vitamin E	2.96 mg αTE	30%	1.30 mg αTE
MINERALS			
Calcium	331 mg	41%	145 mg
Iodine	27.5 µg	18%	12.1 µg
Iron	2.96 mg	25%	1.30 mg
Magnesium	34.1 mg	10%	14.9 mg
Phosphorus	251 mg	25%	110 mg
Potassium	344 mg		151 mg
Zinc	2.27 mg	38%	1.00 mg

% RDI = % Recommended Daily Intake.
Recommended 1-2 serves per day.

¹ FOS - Fructo-oligosaccharides ² GOS - Galacto-oligosaccharides

2130 V1.0



9 332045 002130 >

PHÍA DƯỚI NẬP NHỰA CỦA SẢN PHẨM



MẶT DƯỚI CỦA SẢN PHẨM - ĐÁY LON



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu	743-2019-00062673
Mã số kết quả	AR-19-VD-068921-02 / EUVNHC-00075755

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-19-VD-068921-01/743-2019-00062673, xuất ngày 22/08/2019; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)



CÔNG TY TNHH NATURAL FOOD GROUP

C9 Nguyễn Ngọc Phương, Phường 19, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Tên mẫu:	Sản phẩm dinh dưỡng công thức hữu cơ bước 4 cho trẻ trên 36 tháng tuổi Bellamy's Organic Junior Milk Drink
Tình trạng mẫu:	Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu :	31/07/2019
Thời gian thử nghiệm:	31/07/2019 - 06/08/2019
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng:	06/08/2019
Mã số PO của khách hàng :	GG8T190731641

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD346 VD (a) <i>Enterobacteriaceae</i>	cfu/g	ISO 21528-2:2017	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Không phát hiện
3	VD389 VD (a)(f) <i>Listeria monocytogenes</i>	cfu/g	ISO 11290-2:2017	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD467 VD <i>Staphylococcal enterotoxin</i>	/25 g	AOAC 993.06	Không phát hiện
5	VD580 VD (a) <i>Staphylococci dương tính với coagulase</i>	cfu/g	TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:2003)	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD129 VD Carbohydrates	g/100 g	AOAC 986.25 mod.	56.4
7	VD157 VD (a) Xơ dinh dưỡng	g/100 g	AOAC 991.43	1.84
8	VD164 VD (a)(f) Béo	g/100 g	TCVN 7084:2010 (ISO 1736:2008)	12.1
9	VD262 VD (a)(f) Protein	g/100 g	TCVN 8099-1:2015 (ISO 8968-1:2014)	23.7
10	VD304 VD (a)(f) Đường tổng	g/100 g	Ref. AOAC 977.20LC-RI	49.0
11	VD543 VD Năng lượng	kcal/100 g	FAO 2013 77	429
12	VD009 VD (a)(d) Vitamin C (Acid Ascorbic)	mg/100 g	AOAC 2012.21 mod	93.2
13	VD565 VD (a) Vitamin B1	mg/100 g	Ref. BS EN 14122:2014	0.99

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
14	VD567 VD (a) Vitamin B5 (Acid D-Pantothenic)	mg/100 g	Ref. AOAC 2012.16	1.83
15	VD569 VD (a) Vitamin B12	µg/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-144) (LC-UV)	2.20
16	VD570 VD (a) Biotin	µg/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-144) (LC-UV)	18.0
17	VD571 VD (a) Vitamin B9	µg/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-144) (LC-UV)	67.2
18	VD664 VD (a) Vitamin B3	mg/100 g	EN 15652 2009 mod.	3.63
19	VD863 VD (a)(f) Retinol (Vitamin A)	µg/100 g	AOAC 992.06 mod	522
20	VD852 VD (a) Alpha-Tocopherol	mg/100 g	AOAC 992.03	13.7
21	VD865 VD (a) Vitamin B2 (riboflavin)	mg/100 g	BS EN 14152:2014 mod	1.74
22	VD866 VD (a) Vitamin B6	mg/100 g	BS EN 14663:2005 mod	0.85
23	VDVDD VD Vitamin D	µg/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-0185) Tính toán	4.61
24	VD0BH VD (a) C 18:3 (Acid alpha-linolenic) (ALA)	g/100 g	Ref. ISO 5509:2000	0.307
25	VD0BN VD (a) Acid béo bão hòa	g/100 g	Ref. ISO 5509:2000	5.98
26	VD0BL VD (a) C 18:2 n6 (Acid cis-linoleic)	g/100 g	Ref. ISO 5509:2000	2.69
27	VD0BZ VD (a) Omega-6	g/100 g	Ref. ISO 5509:2000	2.75
28	VD0BY VD (a) Omega-3	g/100 g	Ref. ISO 5509:2000	0.425
29	VD0C4 VD (a) C22:6(cis-4,7,10,13,16,19-Docosahexaenoic acid)DHA	g/100 g	Ref. ISO 5509:2000	0.085
30	VD0C3 VD (a) Acid béo không bão hòa	g/100 g	Ref. ISO 5509:2000	6.12
31	VD0BR VD (a) Acid béo dạng trans	g/100 g	Ref. ISO 5509:2000	0.050
32	VD0BQ VD (a) Acid béo không bão hòa đa	g/100 g	Ref. ISO 5509:2000	3.18
33	VD210 VD (a)(f) Độ ẩm	%	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-048)	2.44
34	VD297 VD (a)(f) Tro tổng	%	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-049) (Ref. FAO Food 14/7-1986)	5.42
35	VD126 VD (a)(f) Canxi (Ca)	mg/100 g	TCVN 6269:2008 (ISO 8070:2007)	884
36	VD192 VD (a)(f) Magie (Mg)	mg/100 g	TCVN 6269:2008 (ISO 8070:2007)	93.9
37	VD252 VD (a)(f) Phospho (P)	mg/100 g	TCVN 6271:2007 (ISO 9874:2006)	701
38	VD256 VD (a)(f) Kali (K)	mg/100 g	TCVN 6269:2008 (ISO 8070:2007)	982

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
39	VD277 VD (a)(f) Natri (Na)	mg/100 g	TCVN 6269:2008 (ISO 8070:2007)	266
40	VD883 VD (a) Sắt (Fe)	mg/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-114) (Ref. AOAC 2015.01)	7.49
41	VD897 VD (a) Kẽm (Zn)	mg/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-114) (Ref. AOAC 2015.01)	6.71
42	VD899 VD (a) Selen (Se)	µg/100 g	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-243)	7.5
43	VD20K VD (a) Hàm lượng iot	µg/100 g	AOAC 2012.15	106
44	VD855 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
45	VD860 VD (a) Chì (Pb)	mg/l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.003)
46	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
47	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.004)
48	VD887 VD (a) Thiếc (Sn)	mg/kg	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-243) (Ref. AOAC 2015.01)	0.07
49	VD640 VD (a) Aflatoxin M1	µg/kg	ISO 14501:2007 mod	Không phát hiện (LOD=0.01)
50	VD020 VD (a) Melamin	mg/kg	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-0124) (GC-MS)	Không phát hiện (LOD=0.05)
51	VD0IU VD Protein	g/100 kcal	FAO 2013 77; TCVN 8099-1:2015 (ISO 8968-1:2014)	5.52
52	VD0IV VD Chất béo tổng số	g/100 kcal	FAO 2013 77; TCVN 7084:2010 (ISO 1736:2008)	2.81
53	VD970 VD Acid linoleic (dạng glycerid)	mg/100 kcal	AOAC 996.06; FAO 2013 77	627
54	VD971 VD Alpha linolenic acid	mg/100 kcal	FAO 2013 77; AOAC 996.06	71.6
55	VD939 VD Carbohydrates	g/100 kcal	AOAC 986.25 mod.; FAO 2013 77	13.1
56	VD940 VD Vitamin A	µg/100 kcal	FAO 2013 77; AOAC 992.06 mod	122
57	VD941 VD Vitamin E (các hợp chất α-tocopherol)	mg/100 kcal	AOAC 992.03; FAO 2013 77	3.19
58	VD945 VD Vitamin B ₂ (riboflavin)	µg/100 kcal	FAO 2013 77; BS EN 14152:2014 mod	406
59	VD948 VD Vitamin B ₁₂	µg/100 kcal	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-144); FAO 2013 77	0.512
60	VD949 VD Acid pantothenic	µg/100 kcal	FAO 2013 77; Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-147)	427

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
61	VD950 VD Acid folic	µg/100 kcal	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-144); FAO 2013 77	15.7
62	VD951 VD Vitamin C (acid ascorbic)	mg/100 kcal	FAO 2013 77; AOAC 2012.21 mod	21.7
63	VD952 VD Vitamin H (Biotin)	µg/100 kcal	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-144); FAO 2013 77	4.20
64	VD953 VD Sắt (Fe)	mg/100 kcal	FAO 2013 77; Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-114)	1.75
65	VD954 VD Calci (Ca)	mg/100 kcal	TCVN 6269:2008 (ISO 8070:2007); FAO 2013 77	206
66	VD955 VD Phospho (P)	mg/100 kcal	FAO 2013 77; TCVN 6271:2007 (ISO 9874:2006)	163
67	VD956 VD Magnesi (Mg)	mg/100 kcal	FAO 2013 77; TCVN 6269:2008 (ISO 8070:2007)	21.9
68	VD957 VD Natri (Na)	mg/100 kcal	TCVN 6269:2008 (ISO 8070:2007); FAO 2013 77	62.0
69	VD959 VD Kali (K)	mg/100 kcal	TCVN 6269:2008 (ISO 8070:2007); FAO 2013 77	229
70	VD961 VD Iod (I)	µg/100 kcal	FAO 2013 77; Phương pháp nội bộ	24.8
71	VD962 VD Selen (Se)	µg/100 kcal	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-243); FAO 2013 77	1.74
72	VD964 VD Kẽm (Zn)	mg/100 kcal	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-114); FAO 2013 77	1.56
73	VDEDD VD Vitamin D tính trên năng lượng	µg/100 kcal	FAO 2013 77; Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-0185) Tính toán	1.07
74	VD17F VD Omega 3	mg/100 kcal	FAO 2013 77; AOAC 996.06	99.17
75	VD17G VD Omega 6	mg/100 kcal	FAO 2013 77; AOAC 996.06	641.16
76	VD17H VD Docosahexaenoic acid (DHA)	mg/100 kcal	FAO 2013 77; AOAC 996.06	0.02
77	VD21F VD Xơ dinh dưỡng	g/100 kcal	FAO 2013 77; AOAC 991.43	0.43
78	VD947 VD Vitamin B ₆	µg/100 kcal	BS EN 14663:2005 mod; FAO 2013 77	198
79	VD944 VD Vitamin B ₁ (thiamin)	µg/100 kcal	Phương pháp nội bộ (EHC-TP1-115); FAO 2013 77	231
80	VD946 VD Nicotinamid	µg/100 kcal	FAO 2013 77; EN 15652 2009 mod.	846

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

85-C
TY
HỮU
FINS
I BÀ
5 C

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Thị Phương VT
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương VT 06/09/2019

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ; các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Trong trường hợp cần cung cấp một kết luận về tính phù hợp hay không phù hợp của kết quả, độ không đảm bảo đo của kết quả sẽ được cộng thêm hoặc trừ bớt để cho kết quả phân tích có thể được so sánh với các giới hạn quy định hoặc chuẩn mực. Việc này sẽ không áp dụng cho các quy chuẩn có sẵn độ không đảm bảo đo của riêng chúng. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số; thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp phân tích được xác định bởi 2 ký tự VD được thực hiện tại phòng thí nghiệm CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (d) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận Phòng Thử Nghiệm Thức Ăn Chăn Nuôi. (f) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm-Bộ Y Tế

HỦY BỎ VÀ THAY THẾ*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu 743-2019-00062674
Mã số kết quả AR-19-VD-072084-03 / EUVNHC-00075755

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-19-VD-072084-02/743-2019-00062674, xuất ngày 30/08/2019; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)



CÔNG TY TNHH NATURAL FOOD GROUP

C9 Nguyễn Ngọc Phương, Phường 19, Quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Tên mẫu:	Sản phẩm dinh dưỡng công thức hữu cơ bước 4 cho trẻ trên 36 tháng tuổi Bellamy's Organic Junior Milk Drink
Tình trạng mẫu:	Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu :	31/07/2019
Thời gian thử nghiệm:	31/07/2019 - 21/08/2019
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng:	21/08/2019
Mã số PO của khách hàng :	GG8T190731641

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD543 VD Năng lượng	kcal/100 g	FAO 2013 77	429
2	VD19P EXT Galacto-oligosaccharide (GOS) tính trên năng lượng	g/100 kcal	FAO 2013 77; KN/QTKT/7.18	0.04
3	VD19Q EXT Fructo-Oligosaccharides (FOS) tính trên năng lượng	g/100 kcal	FAO 2013 77; KN/QTKT/7.23	0.36
4	VD18V EXT Fructo Oligosaccharides (FOS)	g/100 g	KN/QTKT/7.23	1.53
5	VD18W EXT Galacto oligosaccharides (GOS)	g/100 g	KN/QTKT/7.18	0.18



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Thị Phương VI
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương VI 12/09/2019

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Trong trường hợp cần cung cấp một kết luận về tính phù hợp hay không phù hợp của kết quả, độ không đảm bảo đo của kết quả sẽ được cộng thêm hoặc trừ bớt để cho kết quả phân tích có thể được so sánh với các giới hạn quy định hoặc chuẩn mực. Việc này sẽ không áp dụng cho các quy chuẩn có sẵn độ không đảm bảo đo của riêng chúng. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.

Các phép thử được mã hóa với hai ký tự VD được thực hiện bởi phòng thí nghiệm CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG. Những phép thử được thực hiện bởi các nhà thầu phụ không thuộc hệ thống Eurofins sẽ được nhận diện với biểu tượng "EXT".

HỦY BỎ VÀ THAY THẾ*

CÔNG TY TNHH NATURAL FOOD GROUP
C9 Nguyễn Ngọc Phương, Phường 19, Quận
Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 11 năm 2019

CV số: 25/CV-BQLATTP

Kính gửi: BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM TP. HỒ CHÍ MINH
V/v: **Điều chỉnh thông tin ghi nhãn phụ trong bản tự đăng ký công bố: 17/NFG/2019, ngày 9/9/2019**

Công ty TNHH Natural Food Group có trụ sở tại C9 Nguyễn Ngọc Phương, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Giấy phép kinh doanh số: 0315018018 ngày 02/05/2018 được cấp bởi Sở kế hoạch và đầu tư Tp. Hồ Chí Minh. Công ty chúng tôi chuyên về kinh doanh nhập khẩu các loại thực phẩm ăn uống.

Vừa qua Công ty TNHH Natural Food Group đã thực hiện tự đăng ký công bố cho sản phẩm **“Sản phẩm dinh dưỡng công thức hữu cơ bước 4 cho trẻ trên 36 tháng tuổi Bellamy's Organic Junior Milk Drink”** có số tự đăng ký sản phẩm số: 17/NFG/2019, ngày 9/9/2019

Để phù hợp cho việc phân phối sản phẩm, nay Công ty chúng tôi thông báo về việc điều chỉnh nội dung ghi nhãn phụ như bên dưới (Nhãn phụ đính kèm).

Nội dung trên bản đăng ký công bố	Nội dung sau điều chỉnh
1. Điều chỉnh cách thể hiện mục 3.Thời hạn sử dụng trên nhãn phụ tiếng Việt Thời hạn sử dụng: 2 năm kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất: xem “MFD” dưới đáy lon (ngày/tháng/năm). Hạn sử dụng: xem “USE BY” dưới đáy lon (ngày/tháng/năm).	Thời hạn sử dụng: 2 năm kể từ NSX. NSX xem “MFD” và HSD xem “USE BY” dưới đáy lon (ngày/tháng/năm)
2. Điều chỉnh mục 4.Đối tượng sử dụng: Dùng cho trẻ trên 36 tháng tuổi	
3. Bổ sung thông tin mục 5.1 Công dụng: Bổ sung dinh dưỡng cho chế độ ăn hàng ngày, hỗ trợ duy trì sự phát triển toàn diện của trẻ. Chứa 16 vitamin và khoáng chất thiết yếu: -Sắt, I-ốt & kẽm hỗ trợ phát triển khả năng nhận thức -Folate, vitamins B6, B12, C & D hỗ trợ hệ thống miễn dịch khỏe mạnh -Calcium, Magnesium & vitamin D hỗ trợ phát triển xương và răng chắc khỏe -Vitamin A cần thiết để duy trì và phát triển thị lực	
4. Bổ sung nội dung bên dưới vào nhãn phụ “*Quét mã QR code dưới đáy lon để nhận diện hàng thật và kiểm tra nguồn gốc xuất xứ sản phẩm.”	

Theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018, chúng tôi xin cam kết những thông tin về tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo không có sự thay đổi hay điều chỉnh.

Chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.



ĐẠI DIỆN TÓ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Trần Thị Thanh Loan

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

NỘI DUNG NHÃN PHỤ DÁN TRÊN NẮP LON

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC HỮU CƠ BƯỚC 4 CHO TRẺ TRÊN 36 THÁNG TUỔI

BELLAMY'S ORGANIC JUNIOR MILK DRINK

1. Thành phần: Sữa đặc hữu cơ [Sữa nguyên kem hữu cơ dạng lỏng hoặc bột, sữa tách béo hữu cơ dạng lỏng hoặc bột, bột whey khử khoáng hữu cơ, bột lactose hữu cơ], dầu thực vật hữu cơ [dầu đậu nành hữu cơ, dầu hạt hướng dương hữu cơ, chất nhũ hóa lexitin INS 322 từ đậu nành hữu cơ], Galacto-oligosaccharides lỏng hữu cơ (GOS) từ sữa, bột fructo-oligosaccharides hữu cơ (FOS), DHA khô [dầu cá (cá ngừ), sodium caseinate, chất nhũ hóa lexitin INS 322 từ đậu nành, chất chống oxy hóa (sodium ascorbate INS 301, tocopherol concentrat (dạng hỗn hợp) INS 307b, ascorbyl palmitate INS 304)].

Khoáng chất: Tricalcium diphosphate, calcium carbonate, magnesium carbonate, ferrous sulphate, zinc sulphate, potassium iodide, magnesium chloride.

Vitamin: Vitamin C (Sodium-L-ascorbate), vitamin E (DL-alpha-Tocopheryl acetate), vitamin A (retinyl acetate), niacinamide (nicotinic acid amide), vitamin D₃ (cholecalciferol), vitamin B₁ (thiaminchloride hydrochloride), vitamin B₆ (pyridoxine hydrochloride), folic acid (N-Pteroyl-L-glutamic acid), vitamin B₁₂ (cyanocobalamin).

2. Khối lượng tịnh: 900 g/lon

3. Thời hạn sử dụng: 2 năm kể từ NSX. NSX xem “MFD” và HSD xem “USE BY” dưới đáy lon (ngày/tháng/năm)

4. Đối tượng sử dụng: Dùng cho trẻ trên 36 tháng tuổi.

Hướng dẫn sử dụng, thông tin cảnh báo an toàn và bảo quản: Xem tờ thông tin dưới nắp lon

8. Xuất xứ: Úc

Nhà sản xuất: Bellamy's Organic Pty Ltd

Địa chỉ: 115 Cimitiere Street (PO Box 96) Launceston 7250, Tasmania, Australia

9. Nhà nhập khẩu & phân phối:

CÔNG TY TNHH NATURAL FOOD GROUP

Địa chỉ: C9 Nguyễn Ngọc Phương, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 38 408 957

10. Số BTCBSP: 17/NFG/2019



NỘI DUNG NHÃN PHỤ DƯỚI NẮP LON

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC HỮU CƠ BƯỚC 4 CHO TRẺ TRÊN 36 THÁNG TUỔI
BELLAMY'S ORGANIC JUNIOR MILK DRINK

5. Hướng dẫn sử dụng:

5.1 Công dụng: Bổ sung dinh dưỡng cho chế độ ăn hàng ngày, hỗ trợ duy trì sự phát triển toàn diện của trẻ. Chứa 16 vitamin và khoáng chất thiết yếu:

- Sắt, I-ốt & kẽm hỗ trợ phát triển khả năng nhận thức
- Folate, vitamins B6, B12, C & D hỗ trợ hệ thống miễn dịch khỏe mạnh
- Calcium, Magnesium & vitamin D hỗ trợ phát triển xương và răng chắc khỏe
- Vitamin A cần thiết để duy trì và phát triển thị lực

5.2 Hàm lượng sử dụng:

Độ tuổi của trẻ	Lượng nước/bình (ml)	Lượng bột/bình	Lượng khuyến khích dùng/ngày
Trên 36 tháng tuổi	200	4 muỗng gạt (34,4g)	1-2 lần

5.3 Cách pha chế:

1. Luôn rửa tay trước khi pha sữa. Vệ sinh dụng cụ pha thật kỹ, tiệt trùng bằng cách đun 5 phút trong nước sôi. Đun sôi nước sạch và để nguội cho đến khi nhiệt độ giảm xuống 50°C – 60°C. Chỉ sử dụng muỗng đi kèm với hộp sữa để pha.
2. Múc đầy một muỗng bột bằng cách gạt muỗng trên thành hộp. Luôn pha theo tỷ lệ 1 muỗng bột gạt ngang (tương đương 8,6 g) với mỗi 50 ml nước.
3. Cho 4 muỗng sữa bột gạt ngang (tương đương 34,4 g) vào 200 ml nước đã đun sôi để nguội 50°C – 60°C.
4. Khuấy hoặc lắc cho đến khi bột tan đều, dùng ngay sau khi pha. Nếu không dùng hết, bảo quản phần sữa đã pha trong tủ lạnh và sử dụng trong vòng 24 giờ.

6. Thông tin cảnh báo an toàn: Sản phẩm có chứa thành phần từ sữa, cá và đậu nành.

7. Bảo quản:

Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát. Luôn đậy kín nắp hộp và sử dụng hết trong vòng 4 tuần sau khi mở hộp. Sử dụng trước ngày hết hạn in dưới đáy hộp. Pha sữa theo khối lượng không theo thể tích. Bột sữa có thể bị vón cục.

*Quét mã QR code dưới đáy lon để nhận diện hàng thật và kiểm tra nguồn gốc xuất xứ sản phẩm.

